

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ HÒA VANG**

Số: 24/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Vang, ngày 26 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán năm 2025 của xã Hòa Vang sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÒA VANG
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các xã, phường sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Đảng ủy xã Hòa Vang về phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Vang về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán năm 2025 của xã

Hòa Vang sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã Hòa Vang; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi NSNN năm 2025 của xã Hòa Vang sau sáp nhập, tổ chức lại đơn vị hành chính

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương (chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hòa Vang: 7.780 triệu đồng (tăng 5% so với dự toán thành phố giao sau sắp xếp), gồm:

- a) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 2.956 triệu đồng.
- b) Thuế Thu nhập cá nhân: 1.502 triệu đồng.
- c) Lệ phí trước bạ: 1.040 triệu đồng.
- d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1.754 triệu đồng.
- e) Thu phí, lệ phí: 278 triệu đồng.
- g) Thu khác ngân sách: 90 triệu đồng.
- h) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác: 160 triệu đồng.

Trên cơ sở số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, số thu ngân sách thành phố bổ sung cho ngân sách xã thì dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng là 39.738 triệu đồng.

2. Phương án cân đối, phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương (chi tiết theo Phụ lục số 03, 04, 05 đính kèm)

a) Thông qua phương án cân đối, phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương là 39.738 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển : 669 triệu đồng.
- Chi thường xuyên : 37.750 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách : 742 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương : 263 triệu đồng.
- Chi từ nguồn tăng thu dự toán HĐND xã giao so với dự toán thành phố: 314 triệu đồng.

b) Phương án phân bổ chi tiết như sau:

Đối với dự toán chi nhập nguyên trạng của 02 xã Hòa Phong và Hòa Phú (cũ)¹, sau khi trừ đi 10% CCTL, 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị định 173/2025/NĐ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ và số đã sử dụng đến ngày

¹ Dự toán này chưa bao gồm sử dụng nguồn CCTL từ các năm trước để điều chỉnh quỹ lương từ 1.490 triệu đồng lên 2.340 triệu đồng, kinh phí thường theo Nghị định 73, nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên phát sinh trong 6 tháng đầu năm

30/6/2025 (theo dự toán đầu năm) với tổng kinh phí là 21.123,028 triệu đồng, thì dự toán còn lại là 18.300,976 triệu đồng.

UBND xã cân đối nguồn lực ưu tiên đảm bảo các nhiệm vụ để vận hành bộ máy sau sắp xếp và đảm bảo một số nhiệm vụ thiết yếu như: (1) Quỹ lương theo mức 2.340 triệu đồng và dự kiến phân bổ mức khoán chi hành chính 15 triệu đồng/định biên; (2) dự kiến phân bổ dự toán đợt 1 cho các đơn vị và các phòng chuyên môn đối với một số nhiệm vụ quản lý nhà nước có nội dung chi trên lĩnh vực: sự nghiệp kinh tế, môi trường, đảm bảo xã hội, giáo dục, y tế, AN-QP... Tổng kinh phí phân bổ đợt 1 là 14.540,65 triệu đồng, số chưa phân bổ là 3.760,326 triệu đồng (đã chủ động cân đối nguồn đảm bảo chi lương và một số nhiệm vụ thiết yếu, còn lại do hết nhiệm vụ chi và một số nhiệm vụ chưa có cơ sở để phân bổ như: kinh phí mua sắm sửa chữa; phụ cấp của Tổ chức CTXH – XHNN, và một số nhiệm vụ tạm dừng theo chủ trương của thành phố từ ngày 01/7/2025...).

Đối với nhiệm vụ chi của các đơn vị trường học, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và một số nhiệm vụ được phân cấp thêm cho xã mới thì chưa có dự toán để phân bổ.

Điều 2. Xử lý phát sinh trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính

Đối với các khoản chi được bổ sung, điều chỉnh trong năm và các nguồn năm trước chuyển sang, giao cho UBND xã chỉ đạo các cơ quan rà soát để điều chỉnh, giao lại dự toán cho các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Về tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan điều chỉnh hạch toán số liệu theo quy định tại Nghị quyết này và hướng dẫn của Sở Tài chính. Ban hành các văn bản hành chính để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công tác tài chính ngân sách khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo quy định của Luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

b) Có phương án bổ sung dự toán đối với nội dung điều chỉnh, bổ sung cho các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề xuất UBND thành phố sớm bố trí dự toán ngân sách cho các đơn vị trường học để ổn định phục vụ cho năm học mới 2025-2026; ưu tiên phân bổ sớm cho những nhiệm vụ cấp bách phát sinh để ổn định hoạt động của Chính quyền 02 cấp sau sắp xếp.

c) Tiếp tục chỉ đạo Phòng Kinh tế nghiên cứu, đề xuất phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách thành phố và ngân sách xã năm 2026 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 khi có văn bản yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Đề nghị Phòng giao dịch số 3 - Kho bạc nhà nước khu vực XIII phối hợp với các cơ quan thực hiện chuyển đổi (điều chỉnh) số liệu thu, chi ngân sách

các xã thuộc huyện Hòa Vang (cũ) trước sáp nhập phát sinh trước khi kết thúc hoạt động về ngân sách xã Hòa Vang (mới).

3. Đề nghị Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với UBND xã để tham mưu cơ quan có thẩm quyền quy định liên quan đến công tác quản lý nguồn thu ngân sách; phân công, phân cấp quản lý thu ngân sách.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Ngân sách, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hòa Vang nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 26 tháng 8 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TP Đà Nẵng;
- TV Đảng ủy, các Ban của Đảng;
- Đảng ủy UBND xã;
- HĐND, TT HĐND, ĐB HĐND xã;
- UBND, UBMTTQ, các cơ quan, đơn vị xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.



Bùi Hồng Trung

Phụ lục 01

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO
NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2025 SAU SẮP XẾP**

(Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hòa Vang)

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán do UBND huyện cũ giao của 02 xã nhập nguyên trạng			DTTP năm 2025 giao sau sắp xếp	Dự toán HĐND xã Hòa Vang giao năm 2025	So sánh
		Tổng	Hòa Phong	Hòa Phú			
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ (A+B)	7,420	5,475	1,945	7,420	7,780	105%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2,815	2,455	360	2,815	2,956	105%
	Thuế giá trị gia tăng	2,770	2,410	360	2,770	2,909	105%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	45	45		45	47	104%
2	Thuế thu nhập cá nhân	1,430	1,260	170	1,430	1,502	105%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,670	640	1,030	1,670	1,754	105%
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	990	710	280	990	1,040	105%
5	Thu phí, lệ phí	265	230	35	265	278	105%
6	Thu khác ngân sách	90	50	40	90	90	100%
7	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	160	130	30	160	160	100%
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ ĐƯỢC HƯỞNG	39,424			39,424	39,738	101%
I	Thu từ các khoản thu được hưởng theo phân cấp	6,500	0	0	6,500	6,814	105%
1	Các khoản thu 100%	2,185	0	0	2,185	2,282	104%
2	Thu phân chia theo tỷ lệ %	4,315	0	0	4,315	4,532	105%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	32,924	0	0	32,924	32,924	100%
	Thu bổ sung cân đối	17,708			17,708	17,708	100%
	Thu bổ sung để thực hiện	15,216			15,216	15,216	100%
B	Các khoản thu để lại chi QL qua NS	0					

Phụ lục 02

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
CHO NGÂN SÁCH XÃ HÒA VANG SAU SÁP NHẬP NĂM 2025**

(Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hòa Vang)

Stt	Nội dung	Tỷ lệ
I	Các khoản thu phân chia tỷ lệ %	
1	Thuế giá trị gia tăng của các cá nhân, hộ kinh doanh phát sinh trên địa bàn cấp xã	83%
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của các cá nhân, hộ kinh doanh phát sinh trên địa bàn cấp xã	83%
3	Thuế thu nhập cá nhân của cá nhân, hộ kinh doanh và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động cho thuê tài sản của cá nhân, hộ gia đình	83%
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất phát sinh trên địa bàn cấp xã	80%
II	Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%	
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thuế sử dụng đất nông nghiệp (nếu có)	100%
2	Lệ phí môn bài từ cá nhân, nhóm cá nhân và các hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh phát sinh trên địa bàn cấp xã	100%
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.	100%
4	Thu phí từ các hoạt động dịch vụ , lệ phí do các cơ quan , đơn vị thuộc cấp xã thực hiện	100%
5	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện	100%
6	Thu hoa lợi công sản, thu từ quỹ đất công, công ích; thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do các cơ quan thuộc cấp xã quản lý	100%
7	Thu huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã	100%
8	Thu kết dư ngân sách cấp xã.	100%
9	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cấp xã thực hiện và các khoản thu khác ngân sách cấp xã	100%

Phụ lục 03

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ HÒA VANG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

(Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hòa Vang)

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán do UBND huyện cũ giao của 02 xã nhập nguyên trạng	DTTP năm 2025 giao sau sắp xếp	Dự toán HĐND xã Hòa Vang giao năm 2025	So sánh
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	39,424	39,424	39,738	101%
I	Thu từ các khoản thu được hưởng theo phân cấp	6,500	6,500	6,814	105%
1	Các khoản thu 100%	2,185	2,185	2,282	104%
2	Thu phân chia theo tỷ lệ %	4,315	4,315	4,532	105%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	32,924	32,924	32,924	100%
1	Thu bổ sung cân đối	17,708	17,708	17,708	100%
2	Thu bổ sung để thực hiện	15,216	15,216	15,216	100%
IV	Thu kết dư	0			
B	TỔNG CHI NSDP	39,424	39,424	39,738	101%
I	Tổng chi cân đối NSDP	39,424	39,424	39,738	101%
1	Chi đầu tư phát triển	669	669	669	100%
2	Chi thường xuyên	37,750	37,750	37,750	100%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	742	742	742	100%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	263	263	263	100%
7	Chi từ nguồn tăng thu dự toán HĐND xã so với dự toán thành phố giao theo Điều 59 Luật Ngân sách			314	
II	Chi các chương trình mục tiêu				

Phụ lục 04

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP(Theo Nghị quyết số ~~24~~ 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Hòa Vang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán do UBND huyện cũ giao của 02 xã nhập nguyên trạng			Số thực hiện đến 30/6	DTTP năm 2025 giao sau sắp xếp	Dự toán HĐND xã Hòa Vang giao năm 2025	So sánh
		Tổng	Hoà Phong	Hoà Phú				
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	39,424	22,274	17,150	19,633	39,424	39,738	101%
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	669	669		669	669	669	100%
	Trong đó	0						
-	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	669	669		669	669	669	100%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	37,750	21,171	16,579	18,853	37,750	37,750	100%
1	Chi quốc phòng	0			2,572		3,696	
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0			1,807		3,534	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	210	132	78	46	210	210	100%
4	Chi sự nghiệp y tế	0			197		380	
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0			859		1,650	
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0			129		309	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0			397		722	
8	Chi các hoạt động kinh tế	0			1,160		2,019	
9	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	0			11,276		23,958	
10	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội	0			196		398	
11	Chi khác	0			213		874	
III	Dự phòng ngân sách	742	415	327	111	742	742	100%
IV	Tạo nguồn CCTL	263	19	244		263	263	100%
VI	Chi từ nguồn tăng thu dự toán HĐND xã so với dự toán thành phố giao theo Điều 59 Luật Ngân sách						314	

STT	Tên đơn vị	DT phân bổ	Chi đầu tư	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	DỰ PHÒNG	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Ghi chú
-	KP hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện công tác dân số	1.25						1.25											
-	Kinh phí chi hỗ trợ hàng tháng cho CTV y tế - dân số - trẻ em	135.00						135.00											
-	Chi các hoạt động văn hóa trên địa bàn	37.40							37.40										
-	Kinh phí hỗ trợ quản lý, duy tu, bảo dưỡng di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp thành phố trên địa bàn xã quản lý	173.48							173.48										
-	Kinh phí thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể bài chòi	20.00							20.00										
-	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo NQ số 36/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024	47.00							47.00										
-	Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án làng văn hóa đặc trưng tại thôn Bồ Bàn	178.10							178.10										
-	Chi đảm bảo xã hội theo phân cấp	182.93													182.93				
-	Kinh phí quản trang	13.00													13.00				
-	Người khoạt động không chuyên trách thôn và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn theo Nghị quyết 97/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TP đối với Trưởng thôn và Phó thôn	395.34												395.34					
-	Kinh phí hoạt động của BND thôn	73.00												73.00					
	Kinh phí khen thưởng của xã	94.10												94.10					
-	Kinh phí thực hiện mô hình xã, thôn điện tử	40.00												40.00					
4	Văn phòng HĐND và UBND huyện	1,810.14	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	1,810.14	0.00	0.00	0.00		
	Quỹ lương và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức tính 02 tháng (theo lương 2.34trđ)	445.08												445.08					
-	Giao định mức chi quản lý hành chính (15 triệu đồng/số định biên)	255.00												255.00					17 biên chế (VPUB 14 người, HĐND 3 người)
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	300.00												300.00					
	Kinh phí hoạt động của HĐND	810.06												810.06					
5	Phòng Kinh tế	1,690.73	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	227.14	663.91	799.67	0.00	0.00	0.00		
	Quỹ lương và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức tính 02 tháng (theo lương 2.34trđ)	378.72												378.72					
	Khoản quỹ tiền lương của Người hoạt động không chuyên trách xã theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP và phân ngân sách TP hỗ trợ để đảm bảo quỹ lương 2.34 theo NQ số 99/2023/NQ-HĐND của HĐND TP 6 tháng cuối năm 2025	10.95												10.95					

STT	Tên đơn vị	DT phân bổ	Chi đầu tư	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	DỰ PHÒNG	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Ghi chú
-	Giao định mức chi quản lý hành chính (15 triệu đồng/số định biên)	210.00												210.00					Tổng 14 người (13 biên chế, 1 KCT)
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	200.00												200.00					
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực kinh tế	592.26											592.26						
	- Kinh phí quản lý bảo vệ rừng theo QĐ 07 của Thủ Tướng	71.65											71.65						
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực môi trường	197.14										197.14							
	BSKP đề UBND xã phối hợp với Hội LHPN đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị định số 56/2012/NĐ-CP	30.00										30.00							
6	Trung tâm hành chính công	456.57	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	456.57	0.00	0.00	0.00		
	Quỹ lương và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức tính 02 tháng (theo lương 2.34trđ)	184.62												184.62					
	Khoản quỹ tiền lương của Người hoạt động không chuyên trách xã theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP và phần ngân sách TP hỗ trợ để đảm bảo quỹ lương 2.34 theo NQ số 99/2023/NQ-HĐND của HĐND TP 6 tháng cuối năm 2025	10.95												10.95					
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	100.00												100.00					
-	Giao định mức chi quản lý hành chính (15 triệu đồng/số định biên)	105.00												105.00					7 biên chế gồm 6 biên chế + 1KCT
	Kinh phí phụ cấp cán bộ tiếp nhận và trả hồ sơ	22.00												22.00					
	Kinh phí duy tu bảo dưỡng phương tiện điện tử	34.00												34.00					
7	Đảng ủy xã	2,223.81	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	2,223.81	0.00	0.00	0.00		
	Quỹ lương và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức tính 02 tháng (theo lương 2.34trđ)	588.77												588.77					
	Khoản quỹ tiền lương của Người hoạt động không chuyên trách xã theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP và phần ngân sách TP hỗ trợ để đảm bảo quỹ lương 2.34 theo NQ số 99/2023/NQ-HĐND của HĐND TP 6 tháng cuối năm 2025	21.90												21.90					
-	Giao định mức chi quản lý hành chính (15 triệu đồng/số định biên)	300.00												300.00					18 biên chế
	Các hoạt động chung tại Văn phòng Đảng ủy và các ban của Đảng	360.00												360.00					
	Người hoạt động không chuyên trách thôn và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn theo Nghị quyết 97/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TP đối với Bí thư và Phó Bí thư thôn	405.17												405.17					

STT	Tên đơn vị	DT phân bổ	Chi đầu tư	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	DỰ PHÒNG	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Ghi chú
	Phụ cấp trách nhiệm cho Đảng ủy viên của Đảng bộ xã theo Quyết định 169 - QĐ/TW của BCH TW Đảng	78.01												78.01					
	KP hoạt động đặc thù của Đảng	436.99												436.99					
	Kinh phí hoạt động chi bộ thôn	32.96												32.96					
8	Khối Mặt trận- Đoàn thể xã	2,413.55	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	2,413.55	0.00	0.00	0.00		
	Quỹ lương và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức tính 02 tháng (theo lương 2.34trđ)	356.23												356.23					
	Người khoạt động không chuyên trách thôn và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn theo Nghị quyết 97/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TP đổi với Trưởng Ban CTMT thôn, Phó Ban CTMT thôn, Chi hội trưởng: PN, ND, CCB và Đoàn Thanh niên	849.37												849.37					
	Kinh phí hoạt động phong trào của cơ quan Mặt trận và các Hội đoàn thể	250.00												250.00					
-	Giao định mức chi quản lý hành chính (15 triệu đồng/số định biên)	180.00												180.00					12 biên chế
-	Hoạt động của UBMT TQVN	424.63	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	424.63	0.00	0.00	0.00		
+	Kinh phí hoạt động Mặt trận và các nhiệm vụ phát sinh	168.38												168.38					
+	Kinh phí TĐĐKXD NTM, đô thị văn minh theo NQ 153	43.00												43.00					
+	Kinh phí TĐĐKXD NTM, đô thị văn minh theo NQ 155 BCT MT thôn	101.50												101.50					
+	KP hoạt động của BCT Mặt trận thôn	66.75												66.75					
+	Kinh phí quản lý quỹ NNN	45.00												45.00					
-	Hoạt động của Đoàn TN	95.41	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	95.41	0.00	0.00	0.00		
+	Kinh phí hoạt động thường xuyên của Đoàn Thanh niên	10.77												10.77					
+	Kinh phí hoạt động Chi đoàn thôn	49.65												49.65					
+	Kinh phí Hoạt động hè, đội tình nguyện	34.99												34.99					
-	Hoạt động của phụ nữ	59.97	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	59.97	0.00	0.00	0.00		
+	Kinh phí hoạt động thường xuyên của Hội Phụ nữ	4.82												4.82					
+	Kinh phí Hoạt động vì sự tiến bộ PN	10.00												10.00					
+	Kinh phí hoạt động Chi hội thôn	25.15												25.15					
+	Kinh phí mua BHYT Chi hội trưởng phụ nữ và nhiệm vụ phát sinh	20.00												20.00					
-	Hoạt động của Nông dân	92.93	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	92.93	0.00	0.00	0.00		
+	Kinh phí hoạt động thường xuyên, phong trào và phát sinh của Hội Nông dân	61.66												61.66					
+	Kinh phí hoạt động Chi hội Nông dân thôn	31.28												31.28					
-	Hoạt động của Cựu chiến binh	105.01	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	105.01	0.00	0.00	0.00		

[illegible]

STT	Tên đơn vị	DT phân bổ	Chi đầu tư	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	DỰ PHÒNG	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Ghi chú
2	Kinh phí hết nhiệm vụ chi (bao gồm những nhiệm vụ tạm dừng từ ngày 01/7)	605.55	0.33	0.00	0.00	0.00	528.55	0.00	0.00	0.00	0.00	0.04	0.00	76.63	0.00	0.00	0.00	0.00	
	Kinh phí của Đội tuần tra phối hợp (8394)	528.55					528.55												dừng từ ngày 01/7 theo CV 2431 ngày 30/6/2025 của CATP
	Kinh phí mua điện thoại thông minh hộ nghèo	-																	hết nhiệm vụ chi, nộp trả
	Kinh phí trợ cấp tết theo Nghị quyết 238/2019/NQ-HĐND	47.77												47.77					hết nhiệm vụ chi, nộp trả
	Kinh phí Đề án xây dựng CSDL tài liệu lưu trữ điện tử và kho lưu trữ số của thành phố Đà Nẵng theo Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	1.70												1.70					hết nhiệm vụ chi, nộp trả
	KP mua thẻ BHYT cho Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng thôn, bí thư chi bộ TDP, thôn; trưởng ban CTMT thôn, tổ	27.16												27.16					hết nhiệm vụ chi, nộp trả
	Kinh phí hỗ trợ cho NLĐ thu gom rác thải trong dịp tết Nguyên đán (mức hỗ trợ 230 ngàn đồng/người/ngày x 4 ngày) (theo tờ trình số 3027/TT-TNMT ngày 09/12/2024 của Phòng TNMT huyện) hết nhiệm vụ chi	0.04										0.04							hết nhiệm vụ chi, nộp trả
	Tuyển kênh trạm bơm Thạch Bô - Đợt 1, thôn Bô Bán	0.10	0.103																hết nhiệm vụ chi, nộp trả
	Mương thoát nước nhà ông Khương đến đầu kiệt số 2, thôn Tùy Loan Tây	0.23	0.23																hết nhiệm vụ chi, nộp trả